TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/KDTM-PT
Ngày: 26/12/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phan Thị Hồng Dung**

- *Các thẩm phán*: Ông **Phạm Văn Bình**

Bà **Lê Thị Minh Trang**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Lê Văn Ban** - thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Bà **Đồng Thị Thanh Nga** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 47/2023/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2023.

Do bản án sơ thẩm 16/2023/KDTM-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều có kháng cáo, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng N1**

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T**

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Diệp Thị Mỹ T1**, sinh năm 1980 -Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2022 (*có mặt*).

Địa chỉ liên lạc: Số H, đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn*: **Công ty Cổ phần N2**.

Địa chỉ: Số E, đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Thúy H**

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị Mỹ T2**, sinh năm 1999 - Văn bản ủy quyền ngày 25/10/2023 (*có mặt*).

Cùng địa chỉ: Số B, đường V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng N1 và bị đơn Công ty Cổ phần N2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N1 trình bày và yêu cầu:*

Ngân hàng N1– Chi nhánh N3(Nay là Chi nhánh C1gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần N2 (Gọi tắt là Công ty N2) ký kết 04 hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 03/122015.27/HĐTD ngày 15/12/2015, số tiền vay 42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng) theo phương thức cho vay từng lần; Mục đích vay: Đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị; Thời hạn vay 60 tháng; Kỳ hạn trả nợ gốc: Ngày 15/12/2020, kỳ hạn trả nợ lãi: 01 tháng/lần (Vào ngày 30 dương lịch); Lãi suất vay 8,50%/năm, lãi suất quá hạn 12,75%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số 01/032016.27/HĐTD ngày 07/3/2016, số tiền vay 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng) theo phương thức cho vay từng lần; Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị; Thời hạn vay 60 tháng; Kỳ hạn trả nợ gốc: Ngày 07/3/2021, kỳ hạn trả nợ lãi: 01 tháng/lần (Vào ngày 30 dương lịch); Lãi suất vay 8,50%/năm, lãi suất quá hạn 12,75%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số 01/042018.27/HĐTD ngày 18/4/2018, số tiền vay 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng) theo phương thức cho vay từng lần; Mục đích vay: Đầu tư tài sản; Thời hạn vay 60 tháng; Kỳ hạn trả nợ gốc: 01 năm/lần (Vào ngày 18/4), kỳ hạn trả nợ lãi: 01 tháng/lần (Vào ngày 30 dương lịch); Lãi suất vay 10%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Hợp đồng tín dụng số 02/062018.27/HĐTD ngày 29/6/2018, phương thức cho vay theo hạn mức tín dụng; Hạn mức cho vay tối đa 17.000.000.000 đồng (Mười bảy tỷ đồng); Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; Thời hạn vay 07 tháng kể từ ngày nhận nợ; Kỳ hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ, kỳ hạn trả nợ lãi: 01 tháng/lần (Vào ngày 30 dương lịch); Lãi suất vay 8,50%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn. Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty N4 số tiền 11.200.000.000 đồng (Mười một tỷ hai trăm triệu đồng).

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán nợ, hai bên ký kết các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/122015.27.7 ngày 03/6/2017, tài sản thế chấp là QSD đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 267, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp T, xã T (N là thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Longtheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI011787 (Số vào sổ CT22624) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ngày 27/6/2017.

- Hợp đồng thế chấp số 01/032016.27 ngày 07/3/2016, tài sản thế chấp gồm:

+ Hệ thống nồi hơi đốt trấu công suất 5t/h, áp suất làm việc P=10kG/cm^2, mã hiệu: FB5/10Tr;

+ Hệ thống nồi cô đặc dung dịch nước mắm dung tích V=21m^3, mã hiệu: NCD21/6, số chế tạo: FB2016/5;

- Hợp đồng thế chấp số 01/042018.27.1 ngày 18/4/2018, tài sản thế chấp là hệ thống nồi hơi đốt trấu công suất 12t/h, áp suất làm việc P=10kG/cm^2;

- Hợp đồng thế chấp số 01/042018.27.2 ngày 07/5/2018, tài sản thế chấp là 02 hệ thống nồi cô đặc dung dịch nước mắm dung tích V=21m^3;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty N5 phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc Công ty N2 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 30/4/2021 là **62.250.554.727 đồng** (Sáu mươi hai tỷ hai trăm năm mươi triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là 55.107.000.000 đồng, lãi trong hạn là 6.454.977.996 đồng, lãi quá hạn là 688.576.731 đồng; Và tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

2. Trường hợp Công ty N6 thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Công ty N7 thu hồi nợ.

3. Trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp của Công ty N6 đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản khác của các Cổ đông và của Công ty N8 đến khi trả hết nợ.

4. Buộc Công ty N1phải chịu toàn bộ các khoản phí, án phí và lệ phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.

** Tại Biên bản làm việc ngày 22/4/2022, ông **T3Huỳnh Văn H1** là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần N9 bày:* Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc ký kết các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng Nvà Công ty Cổ phần N1theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2021 của Ngân hàng N1

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc Công ty N10 toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, tạm tính đến ngày 26/6/2023 với tổng số tiền là **73.705.052.239 đồng** (Bảy mươi ba tỷ bảy trăm lẻ năm triệu không trăm năm mươi hai nghìn hai trăm ba mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 55.107.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.855.420.036 đồng, lãi quá hạn 2.742.632.203 đồng. Cụ thể theo các hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 03/122015.27/HĐTD ngày 15/12/2015:

Nợ gốc: 34.425.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 9.216.859.306 đồng;

Lãi quá hạn: 1.479.318.750 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 01/032016.27/HĐTD ngày 07/3/2016:

Nợ gốc: 1.531.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 421.854.292 đồng;

Lãi quá hạn: 148.751.535 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 01/042018.27/HĐTD ngày 18/4/2018:

Nợ gốc: 7.951.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 2.872.818.082 đồng;

Lãi quá hạn: 12.104.932 đồng

+ Hợp đồng tín dụng số 02/062018.27/HĐTD, ngày 29/6/2018:

Nợ gốc: 11.200.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 3.343.888.356 đồng;

Lãi quá hạn: 1.102.456.986 đồng.

Ngoài ra, yêu cầu Công ty N11 tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2023 cho đến khi hoàn trả đầy đủ số tiền nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp của Công ty N7 thu hồi nợ. Các tài sản thế chấp bao gồm:

- QSD đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 267, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Longtheo Giấy chứng nhận QSD đất số CI011787 (Số vào sổ CT22624) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ngày 27/6/2017 (Theo hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 03/122015.27.7 ngày 03/6/2017). Đối với khu mộ nằm trong QSD đất đã thế chấp, Ngân hàng tự nguyện tách diện tích phần đất này ra khi yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp (Diện tích cụ thể sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án).

- Hệ thống nồi hơi đốt trấu công suất 5t/h, áp suất làm việc P=10kG/cm^2, mã hiệu: FB5/10Tr; Hệ thống nồi cô đặc dung dịch nước mắm dung tích V=21m^3, mã hiệu: NCD21/6, số chế tạo: FB2016/5 (Theo hợp đồng thế chấp số 01/032016.27 ngày 07/3/2016);

- Hệ thống nồi hơi đốt trấu công suất 12t/h, áp suất làm việc P=10kG/cm^2 (Theo hợp đồng thế chấp số 01/042018.27.1 ngày 18/4/2018);

- 02 hệ thống nồi cô đặc dung dịch nước mắm dung tích V=21m^3 (Theo Hợp đồng thế chấp số 01/042018.27.2 ngày 07/5/2018).

3. Trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp của Công ty N6 đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản khác của Công ty N8 đến khi thu hồi hết nợ.

4. Buộc Công ty N1phải chịu toàn bộ các khoản phí, án phí và lệ phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.

Tại bản án sơ thẩm 16/2023/KDTM.ST ngày 26/6/2023 của TAND quận Ninh kiều tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần N12 thanh toán cho Ngân hàng N13 số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 26/6/2023 là **73.705.052.239 đồng** (Bảy mươi ba tỷ bảy trăm lẻ năm triệu không trăm năm mươi hai nghìn hai trăm ba mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 55.107.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.855.420.036 đồng, lãi quá hạn 2.742.632.203 đồng. Cụ thể theo các hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 03/122015.27/HĐTD ngày 15/12/2015:

Nợ gốc: 34.425.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 9.216.859.306 đồng;

Lãi quá hạn: 1.479.318.750 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 01/032016.27/HĐTD ngày 07/3/2016:

Nợ gốc: 1.531.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 421.854.292 đồng;

Lãi quá hạn: 148.751.535 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 01/042018.27/HĐTD ngày 18/4/2018:

Nợ gốc: 7.951.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 2.872.818.082 đồng;

Lãi quá hạn: 12.104.932 đồng

+ Hợp đồng tín dụng số 02/062018.27/HĐTD, ngày 29/6/2018:

Nợ gốc: 11.200.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 3.343.888.356 đồng;

Lãi quá hạn: 1.102.456.986 đồng.

Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 27/6/2023 theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, các tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 267, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp T, xã T (N là thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Longtheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI011787 (Số vào sổ CT22624) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ngày 27/6/2017 (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03/122015.27.7 ngày 03/6/2017).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc tách phần diện tích đất khu mộ ra khỏi tài sản thế chấp khi yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ (Diện tích cụ thể sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án).

- Hệ thống nồi hơi đốt trấu công suất 5t/h, áp suất làm việc P=10kG/cm^2, mã hiệu: FB5/10Tr; Hệ thống nồi cô đặc dung dịch nước mắm dung tích V=21m^3, mã hiệu: NCD21/6, số chế tạo: FB2016/5 (Theo hợp đồng thế chấp số 01/032016.27 ngày 07/3/2016).

- Hệ thống nồi hơi đốt trấu công suất 12t/h, áp suất làm việc P=10kG/cm^2 (Theo hợp đồng thế chấp số 01/042018.27.1 ngày 18/4/2018)

- 02 (Hai) hệ thống nồi cô đặc dung dịch nước mắm dung tích V=21m^3 (Theo hợp đồng thế chấp số 01/042018.27.2 ngày 07/5/2018).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo theo qui định.

Ngày 07/3/2023 bị đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại phần lãi suất do Ngân hàng tính chưa hợp lý với thực tế thời điểm dịch Covid và đề nghị được miễn giảm lãi.

Ngày 13/7/2023 nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, do cán bộ ngân hàng tính toán lãi chưa chính xác, nên đề nghị sửa án sơ thẩm xem xét thêm phần lãi trong hạn và quá hạn của số tiền hơn 03 tỉ đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu kháng cáo, bị đơn kháng cáo giữ nguyên yêu cầu.

Nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên việc Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 26/6/2023 là **73.705.052.239 đồng** (Bảy mươi ba tỷ bảy trăm lẻ năm triệu không trăm năm mươi hai nghìn hai trăm ba mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 55.107.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.855.420.036 đồng, lãi quá hạn 2.742.632.203 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 27/6/2023 cho đến khi hoàn trả hết nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

Đối với các yêu cầu khác của Ngân hàng do các đương sự không kháng cáo nên không xem xét.

Tuy nhiên đối với phần tính lãi số tiền tại giai đoạn thi hành án điều chỉnh phần lãi tiếp theo đối với số tiền nợ vốn gốc theo hợp đồng tín dụng.

Nguyên đơn rút kháng cáo nên đình chỉ. Bị đơn kháng cáo xin miễn giảm lãi nhưng không đưa ra chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:

Ngân hàng N14 kiện yêu cầu buộc Công ty Cổ phần N2 thanh toán tiền nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng Nvà Công ty Cổ phần N2. Đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn Công ty Cổ phần N2 có địa chỉ tại số E, đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[2.1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn với tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/6/2023 là **73.705.052.239 đồng** (Bảy mươi ba tỷ bảy trăm lẻ năm triệu không trăm năm mươi hai nghìn hai trăm ba mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 55.107.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.855.420.036 đồng, lãi quá hạn 2.742.632.203 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 27/6/2023 theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ; Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp của Công ty N7 thu hồi nợ; Trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp của Công ty N6 đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản khác của Công ty N8 đến khi thu hồi hết nợ, không yêu cầu phát mãi tài sản của các Cổ đông Công ty; Buộc Công ty N12 chịu toàn bộ các khoản phí, án phí và lệ phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Căn cứ hợp các hợp đồng tín dụng số 03/122015.27/HĐTD ngày 15/12/2015; Hợp đồng tín dụng số 01/032016.27/HĐTD ngày 07/3/2016; Hợp đồng tín dụng số 01/042018.27/HĐTD ngày 18/4/2018; Hợp đồng tín dụng số 02/062018.27/HĐTD, ngày 29/6/2018 giữa Ngân hàng Nvới Công ty Cổ phần N1và các tài liệu liên quan đến việc giải ngân tiền cho vay đã thể hiện Công ty Cổ phần N15 vay của Ngân hàng N1 tổng số tiền 67.200.000.000 đồng (Sáu mươi bảy tỷ hai trăm triệu đồng); Mục đích vay: Đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị và bổ sung vốn kinh doanh; Thời hạn vay: 60 tháng (Đối với hợp đồng tín dụng số 03/122015.27/HĐTD, số 01/032016.27/HĐTD, số 01/042018.27/HĐTD) và 07 tháng (Đối với hợp đồng tín dụng số 02/062018.27/HĐTD); Phương thức trả nợ gốc: Cuối kỳ (Đối với hợp đồng tín dụng số 03/122015.27/HĐTD, số 01/032016.27/HĐTD, số 02/062018.27/HĐTD) và định kỳ hàng năm (Đối với hợp đồng tín dụng số 01/042018.27/HĐTD), phương thức trả lãi: Định kỳ hàng tháng (Vào ngày 30 dương lịch).Lãi suất cho vay:

8,50%/năm (Đối với hợp đồng tín dụng số 03/122015.27/HĐTD, số 01/032016.27/HĐTD, số 02/062018.27/HĐTD) và 10%/năm (Đối với hợp đồng tín dụng số 01/042018.27/HĐTD), lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do Công ty N5 phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty N16 nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tính đến hết ngày 26/6/2023, Công ty N17 nợ Ngân hàng tổng số tiền là **73.705.052.239 đồng** (Bảy mươi ba tỷ bảy trăm lẻ năm triệu không trăm năm mươi hai nghìn hai trăm ba mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 55.107.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.855.420.036 đồng, lãi quá hạn 2.742.632.203 đồng. Đồng thời, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn kể từ ngày 27/6/2023 theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3] *Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của bị đơn để thu hồi nợ, nhận thấy:*

Để đảm bảo cho khoản vay, Ngân hàng N1 và Công ty Cổ phần N18 ký kết các hợp đồng thế chấp gồm:

- Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 03/122015.27.7 ngày 03/6/2017, tài sản thế chấp là QSD đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 267, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp T, xã T (nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Longtheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI011787 (Số vào sổ CT22624) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ngày 27/6/2017;

- Hợp đồng thế chấp số 01/032016.27 ngày 07/3/2016, tài sản thế chấp gồm:

+ Hệ thống nồi hơi đốt trấu công suất 5t/h, áp suất làm việc P=10kG/cm^2, mã hiệu: FB5/10Tr;

+ Hệ thống nồi cô đặc dung dịch nước mắm dung tích V=21m^3, mã hiệu: NCD21/6, số chế tạo: FB2016/5;

- Hợp đồng thế chấp số 01/042018.27.1 ngày 18/4/2018, tài sản thế chấp là hệ thống nồi hơi đốt trấu công suất 12t/h, áp suất làm việc P=10kG/cm^2;

- Hợp đồng thế chấp số 01/042018.27.2 ngày 07/5/2018, tài sản thế chấp là 02 hệ thống nồi cô đặc dung dịch nước mắm dung tích V=21m^3;

Các hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng quy định pháp luật. Theo nội dung của các hợp đồng thế chấp thì Công ty N19 chấp tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty N1tại các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Công ty N20*"Nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan"*. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thanh toán cho các hợp đồng tín dụng của Công ty N21 có cơ sở chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp là QSD đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 267, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp T, xã T (N là thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh

Longtheo Giấy chứng nhận QSD đất số CI011787 (Số vào sổ CT22624) do Sở T tỉnh Vcấp ngày 27/6/2017, qua xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện trên thửa đất có khu mộ (Gồm 18 ngôi mộ của gia đình ông Lê Văn C hàng tự nguyện tách diện tích phần đất khu mộ ra khi yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp (diện tích cụ thể sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án) là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu phát mãi tài sản khác của Công ty N22 thu hồi nợ trong trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp của Công ty N6 đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ do phát sinh trong giai đoạn thi hành án nên sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[5] Đối với yêu cầu buộc Công ty N12 chịu toàn bộ các khoản phí, án phí và lệ phí phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định pháp luật về án phí, phí và lệ phí.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng về việc tính thêm khoản tiền lãi thấy rằng tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đưa yêu cầu được cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ, nên yêu cầu này là mới phát sinh chưa được xem xét tại cấp sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không xem xét, có thể khởi kiện thành vụ án khác. Tuy nhiên tại tòa đại diện ủy quyền của Ngân hàng rút yêu cầu kháng cáo nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn xin miễn giảm lãi của bị đơn do dịch Covid 19 và Công ty tạm ngưng hoạt động nhưng không đưa ra chứng cứ để chứng minh, hơn nữa yêu cầu này ngân hàng không đồng ý, do đó không có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, tại tòa ghi nhận ý kiến của đại diện ủy quyền của Ngân hàng cho rằng giai đoạn thi hành án khi bị đơn thanh toán nợ thì Ngân hàng sẽ hỗ trợ thủ tục trình Hội sở xem xét miễn giảm lãi cho bị đơn theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, bản án sơ thẩm là có căn cứ được giữ nguyên. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị được giữ nguyên. Cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm tuyên việc tính lãi giai đoạn thi hành án theo hợp đồng tính dụng mà không ghi rõ nên cần điều chỉnh cho phù hợp quy định chỉ tính lãi trên số tiền vốn gốc theo hợp đồng tín dụng tại giai đoạn thi hành án.

[7] Nhận xét và đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*: là 8.450.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng, bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[9] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[10] *Về án phí phúc thẩm*: Do đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên phải chịu án phí phúc thẩm; do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 289 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng N1

Không chấp nhận yêu cầu kháng của bị đơn Công ty Cổ phần N2

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần N12 thanh toán cho Ngân hàng N13 số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 26/6/2023 là **73.705.052.239 đồng** (Bảy mươi ba tỷ bảy trăm lẻ năm triệu không trăm năm mươi hai nghìn hai trăm ba mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 55.107.000.000 đồng, lãi trong hạn 15.855.420.036 đồng, lãi quá hạn 2.742.632.203 đồng. Cụ thể theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 03/122015.27/HĐTD ngày 15/12/2015:

Nợ gốc: 34.425.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 9.216.859.306 đồng;

Lãi quá hạn: 1.479.318.750 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/032016.27/HĐTD ngày 07/3/2016:

Nợ gốc: 1.531.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 421.854.292 đồng;

Lãi quá hạn: 148.751.535 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 01/042018.27/HĐTD ngày 18/4/2018:

Nợ gốc: 7.951.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 2.872.818.082 đồng;

Lãi quá hạn: 12.104.932 đồng

- Hợp đồng tín dụng số 02/062018.27/HĐTD, ngày 29/6/2018:

Nợ gốc: 11.200.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 3.343.888.356 đồng;

Lãi quá hạn: 1.102.456.986 đồng.

Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 27/6/2023 theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết (đối với số tiền vốn gốc) cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, các tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 267, tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại ấp T, xã T (N là thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Longtheo Giấy chứng nhận QSD đất số CI011787 (Số vào sổ CT22624) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ngày 27/6/2017 (Theo hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 03/122015.27.7 ngày 03/6/2017).

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc tách phần diện tích đất khu mộ ra khỏi tài sản thế chấp khi yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ (Diện tích cụ thể sẽ được xem xét tại giai đoạn thi hành án).

- Hệ thống nồi hơi đốt trấu công suất 5t/h, áp suất làm việc P=10kG/cm^2, mã hiệu: FB5/10Tr; Hệ thống nồi cô đặc dung dịch nước mắm dung tích V=21m^3, mã hiệu: NCD21/6, số chế tạo: FB2016/5 (Theo hợp đồng thế chấp số 01/032016.27 ngày 07/3/2016).

- Hệ thống nồi hơi đốt trấu công suất 12t/h, áp suất làm việc P=10kG/cm^2 (Theo hợp đồng thế chấp số 01/042018.27.1 ngày 18/4/2018)

- 02 (Hai) hệ thống nồi cô đặc dung dịch nước mắm dung tích V=21m^3 (Theo hợp đồng thế chấp số 01/042018.27.2 ngày 07/5/2018).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 8.450.000 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Do nguyên đơn đã nộp và chi xong nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm : Bị đơn phải chịu 181.705.052 đồng (Một trăm tám mươi mốt triệu bảy trăm lẻ năm nghìn không trăm năm mươi hai đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng N nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 85.125.500 đồng (T4 mươi lăm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0001114 ngày 11/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn phải nộp 2.000.000 đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001347 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí (nộp xong). Bị đơn phải nộp 2.000.000 đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001365 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí (nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Hồng Dung

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-TAND Q. Ninh Kiều;
- VKSND.TPCT
- Chi cục THADS Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.